

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI**



**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ I NĂM 2023**



Gia Lai, tháng 3 năm 2023

Số: /BC-CTK

Gia Lai, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2023

Thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2023 trong bối cảnh kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, chính sách tiền tệ thắt chặt ở Mỹ và các nước châu Âu nhằm kiểm soát lạm phát khiến tiêu dùng bị sụt giảm. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Các yếu tố bên trong tác động đến như lãi suất trong nước tăng mạnh, đặc biệt lãi suất huy động thỏa thuận trên thị trường đang rất cao. Lãi suất cao khiến tiêu dùng cuối cùng sẽ suy giảm, sản xuất trở nên khó khăn hơn do chi phí sản xuất tăng cao ảnh hưởng lớn đến kế hoạch mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp. Vấn đề đầu tư công triển khai chậm so với kế hoạch: Vướng mắc ở nhiều khâu triển khai thực hiện khiến đầu tư công hiện đang bị tắc nghẽn, đặc biệt là vấn đề về thể chế, các quy định pháp lý đang cản trở việc triển khai đầu tư công ở hầu khắp các địa phương và bộ, ngành. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng của Tỉnh, tập trung chỉ đạo triển khai các Chương trình, Đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đầu tư, bảo đảm an sinh xã hội và cuộc sống người dân; cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Tình hình kinh tế xã hội tháng 3 và quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

** Cây hàng năm vụ Đông Xuân 2023-2024:*

Tính đến ngày 14/3/2023 toàn tỉnh đã gieo trồng được 77.163,5 ha cây trồng các loại đạt 99,57% so với kế hoạch, tăng 0,85% so với cùng kỳ. Trong đó một số cây trồng chính như sau:

- + Cây lúa nước: 26.807,6 ha, đạt 103,11% kế hoạch, tăng 0,23% so cùng kỳ;
- + Cây ngô: 3.345,2 ha, đạt 76,90% so kế hoạch, tăng 2,53% so cùng kỳ;
- + Lang: 1.905,0 ha, tăng 0,26% so kế hoạch, tăng 30,11% so cùng kỳ;
- + Cây sắn (mỳ): 10.788,9 ha, đạt 93,82% so kế hoạch, giảm 9,41% so cùng kỳ;
- + Rau các loại: 14.868,6 ha, tăng 2,54% so kế hoạch, tăng 25,29% so cùng kỳ;
- + Đậu các loại: 4.128,8 ha, đạt 91,75% so kế hoạch, giảm 0,64% so cùng

kỳ;

- + Lạc: 100,2 ha, tăng 0,2% so kế hoạch, tăng 42,33 % so cùng kỳ;
- + Cây mía (Tr. mới): 7.906,8 ha, tăng 12,95% so kế hoạch, giảm 6,71% so cùng kỳ.
- + Cây thuốc lá: 3.839,1 ha, tăng 101,03% so kế hoạch, giảm 2,07% so cùng kỳ.

	Kế hoạch vụ đông xuân 2022- 2023	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so cùng kỳ năm trước (%)	% so kế hoạch
Tổng diện tích gieo trồng	77,500.0	76,509.8	77,163.5	100.85	99.57
1. Diện tích gieo cấy lúa vụ Đông Xuân	26,000.0	26,746.1	26,807.6	100.23	103.11
2. Diện tích gieo trồng một số cây khác vụ Đông Xuân	51,500.0	49,763.7	50,355.9	101.19	97.78
- Ngô	4,350.0	3,262.7	3,345.2	102.53	76.90
- Khoai lang	1,900.0	1,464.2	1,905.0	130.11	100.26
- Sắn	11,500.0	11,910.0	10,788.9	90.59	93.82
- Rau các loại	14,500.0	11,867.8	14,868.6	125.29	102.54
- Đậu các loại	4,500.0	4,160.5	4,128.8	99.24	91.75
- Lạc	100.0	70.4	100.2	142.33	100.20
- Mía tổng số	7,000.0	8,475.9	7,906.8	93.29	112.95
- Thuốc lá	3,800.0	3,920.2	3,839.1	97.93	101.03
- Cây hàng năm khác	3,850.0	4,632.0	3,473.3	74.98	90.22

Nhìn chung thời tiết vụ Đông xuân lạnh kéo dài, nên tiến độ gieo trồng các loại cây vụ Đông xuân năm nay đạt hơn so cùng kỳ. Một số cây rau đậu, lạc tăng mạnh là do thời tiết thuận lợi gieo trồng, diện tích lạc (đậu) tăng mạnh vì thời tiết thuận lợi người dân xuống giống nhanh hơn so với cùng kỳ. Hiện nay người nông dân đang tiếp tục xuống giống, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh phần đầu gieo trồng vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Ngành nông nghiệp đã hướng dẫn các địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng; mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước, cơ giới hóa nông nghiệp; triển khai quyết liệt các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại trên cây trồng; phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trồng trọt ứng dụng công nghệ cao; mở rộng hình thức liên kết sản xuất, chú trọng triển khai các kế hoạch hợp tác

Về tình hình cháy mía xảy ra trên địa bàn tỉnh: Tổng diện tích niên vụ mía

năm 2022-2023 khoảng 36.900 ha mía. Trong quý 1/2023, diện tích mía bị cháy khoảng 315,1 ha (*chiếm khoảng 0,85% diện tích mía toàn tỉnh*), số hộ bị thiệt hại là 205 hộ. Nguyên nhân chủ yếu do một số người dân chưa cẩn thận trong việc đốt vệ sinh ruộng mía sau thu hoạch dẫn đến cháy lan sang các ruộng chưa thu hoạch. Các địa phương đã huy động lực lượng tham gia cứu chữa, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho người dân; đồng thời, đã chủ động liên hệ với các Công ty, Nhà máy đường để ưu tiên thu mua kịp thời các diện tích mía bị cháy. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 287/UBND-NL ngày 11/02/2023 về việc tập trung triển khai công tác phòng, chống cháy mía trên địa bàn tỉnh, Sở nông nghiệp và PTNT đã có văn bản triển khai đến các địa phương, đơn vị có liên quan về công tác phòng chống cháy mía trên địa bàn tỉnh.

Tình hình sâu bệnh trên cây trồng: Nhờ triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh trên cây trồng nên diện tích sâu bệnh gây hại trên cây trồng đã giảm đáng kể. Riêng bệnh khảm lá virus hại sắn diện tích nhiễm 317 ha (*nhễm nhẹ*), phân bố tại các huyện: Phú Thiện, Ia Pa và thị xã Ayun Pa.

Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả vụ Đông Xuân 2022 - 2023: Tính đến ngày 10/3/2023, các địa phương trong tỉnh đã thực hiện chuyển đổi 500,25 ha đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường. Trong đó: Chuyển sang trồng ngô 1,5 ha; khoai lang 215 ha; rau, đậu đỗ các loại 32 ha; dưa hấu 71 ha; ngô sinh khối 12,75 ha; cây hàng năm khác, thuốc lá, dược liệu, cây ăn quả 168 ha.

** Cây lâu năm:*

Đối với cây cà phê, đã thu hoạch xong, giá cà phê nhân trong quý I dao động từ 44.200 đồng – 48.800 đồng/kg. Bà con nông dân đang khẩn trương cắt cành, tạo dáng và tiến hành tưới nước, bón phân, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh... thời gian này cây đang trong thời kỳ cho hoa.

Đối với cây tiêu diện tích bắt đầu từ đầu thu hoạch từ cuối tháng 2 đầu tháng 3. Trong quý I năm 2023 giá tiêu tăng cao hơn so với cùng kỳ dao động từ 60.500 đồng đến 64.500 đồng/kg cao hơn cùng kỳ năm ngoái, tại Gia Lai hiện theo báo điện tử Bộ Công thương tiêu Gia Lai (Chur sê) ngày 15/03 ở mức 64.000 đồng/kg.

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã thu hút được 38 dự án trồng trọt với quy mô gần 6.500 ha với kinh phí gần 7.802,26 tỷ đồng, cụ thể: 29 dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư với diện tích 1.464,5 ha; kinh phí 4.009,26 tỷ đồng (trong đó 03 dự án chấm dứt hoạt động với diện tích 12,14 ha, kinh phí 64,35 tỷ đồng); 05 dự án đang chờ phê duyệt chủ trương đầu tư với diện tích 4.280,5 ha; kinh phí 1.873 tỷ đồng; 04 dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư, được nhà đầu tư quan tâm với diện tích 754,2 ha; kinh phí 1.920 tỷ đồng.

Các địa phương, doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và đất trồng mía, trồng sắn, cao su, hồ tiêu, điều kém hiệu quả sang trồng rau, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu, cây làm thức ăn cho chăn nuôi, Sở NN&PTNT tiếp tục Hướng dẫn các địa phương phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất có chứng nhận như VietGAP, 4C, GlobalGAP, UTZ, Organic, Rainforest Alliance; mô hình tưới nước

tiết kiệm kết hợp với bón phân qua đường ống, ... chú trọng đẩy mạnh công tác khuyến nông, hướng dẫn người dân sử dụng giống cây trồng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, ngăn chặn kịp thời tình trạng người dân tự phát, đưa giống cây trồng không rõ nguồn gốc vào sản xuất.

Kết quả sản xuất theo tiêu chuẩn: Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 233.522,89 ha cây trồng các loại sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic, Rainforest Alliance, FLO chiếm 41,5% trên tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh.

Về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói: Trong quý I/2023, theo báo cáo của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tham mưu cấp mới 33 mã số vùng trồng (4 mã số vùng trồng chuối, 16 mã số vùng trồng sầu riêng, 13 mã số vùng trồng chanh leo) và 10 mã cơ sở đóng gói (2 mã cơ sở đóng gói chuối, 4 mã cơ sở đóng gói sầu riêng, 4 mã số cơ sở đóng gói chanh leo).

Đến nay toàn tỉnh đã được cấp 128 mã số vùng trồng⁽¹⁾ với diện tích 7.422,93 ha và 32 mã số cơ sở đóng gói với tổng công suất đóng gói khoảng 1.245 - 1.395 tấn quả tươi/ngày, chủ yếu trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Hoa Kỳ, ...

Tình hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

Công ty TNHH Vĩnh Hiệp làm đầu chuỗi, đã hình thành quy mô liên kết cà phê là 20.000 ha (quy trình 4C 10.000 ha, quy trình UTZ 1.241 ha, quy trình Organic: 45 ha) và 8.714 ha liên kết với các hộ nông dân trồng cà phê trực tiếp. Sản lượng thu mua hàng năm đạt 70.000 tấn cà phê nhân; số hợp tác xã tham gia liên kết với Công ty 10 HTX và 7.000 hộ tham gia liên kết, triển khai tại 06 huyện.

Công ty TNHH MTV XNK RQ Doveco Gia Lai, Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên có tổng diện tích các loại cây trồng đang thực hiện liên kết: 2.090,6 ha, hình thức liên kết chủ yếu là liên kết với các HTX, tổ hợp tác, hộ dân thông qua các hợp đồng thỏa thuận liên kết. Đối tượng tham gia liên kết với công ty gồm: 05 hợp tác xã, 71 tổ hợp tác và 1.075 hộ nông dân tham gia, triển khai trên địa bàn 12 huyện, thị xã, thành phố.

Công ty Đông Nam Dược Gia Lai thực hiện liên kết các chuỗi cây dược liệu với diện tích khoảng 24,73 ha chủ yếu tạo vùng nguyên liệu các loại cây trên địa bàn 10 huyện, thị xã.

Tập đoàn Lộc Trời: toàn tỉnh có 10/17 huyện, thị xã, thành phố đã triển khai liên kết (gồm các huyện: Chư Păh, Chư Prông, Chư Puh, Chư Sê, Ia Grai, Đức Cơ, Krông Pa, Phú Thiện, Thị xã An Khê và Thành phố Pleiku). Cây trồng chủ yếu thực hiện liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa Tập đoàn Lộc Trời và các huyện trên địa bàn tỉnh là cây ngô sinh khối và lúa nước. Tổng diện tích đã thực hiện liên kết là 1.242,6 ha, chủ yếu gồm cây Ngô sinh khối 1.013 ha và cây lúa nước 229,6 ha. Hình thức tham gia liên kết của Tập đoàn Lộc Trời với địa phương: chỉ tham gia liên kết với các hợp tác xã; số hợp tác xã tham gia liên kết: 08 HTX, 02 Tổ hợp tác và 01 Công ty.

¹ Trong đó: Chanh leo 32 mã số, Chuối 26 mã số, Ót 20 mã số, Dưa hấu 09 mã số, Thanh long 08 mã số, Xoài 06 mã số, Mít 10 mã số, Sầu riêng 17 mã số

Công ty TNHH phát triển khoa học quốc tế Trường Sinh đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến dược liệu, hình thành liên kết chuỗi giá trị sản xuất - tiêu thụ dược liệu trên địa bàn tỉnh với 02 HTX, 07 hộ dân và 01 Doanh nghiệp tham gia chuỗi sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu với tổng diện tích liên kết là 231,45 ha.

b. Chăn nuôi:

Đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển bình thường, người dân đang tập trung chăm sóc, đẩy mạnh chăn nuôi, tái đàn và đồng thời tiếp tục nhập con giống về nuôi cho đủ quy mô công xuất trang trại đã đầu tư nhằm đáp ứng nguồn cung cho thị trường trong thời gian sắp tới. Giá cả heo hơi trong quý I năm 2023 dao động từ 49.000 đồng - 52.000 đồng/kg.

Quý I năm 2023, đàn trâu ước đạt 13.784 con, giảm 6,4% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 389,6 tấn, tăng 2.65 so với cùng kỳ tổng đàn giảm là vì qua kỳ điều tra 01/01 đầu quý đến 25/02 xu hướng người dân chậm tái đàn do giá trâu bò đang thấp và đa phần người dân nuôi nhỏ lẻ nên từ cuối năm 2022 đến nay kém hiệu quả kinh tế.

Đàn bò ước quý I đạt 406.247 con, giảm 1,7% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 10.120,4 tấn, tăng 6,7% so với cùng kỳ là do thời điểm này một số trang trại lớn sau khi xuất chưa kịp nhập tái đàn.

Đàn heo ước đạt 429.328 con, tăng 33,5% so với cùng kỳ, sản lượng ước quý I đạt 15.995,2 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ chủ yếu là do các dự án chăn nuôi lớn đi vào hoạt động từ cuối năm 2022 đến nay tăng tổng đàn lên.

Đàn gia cầm ước đạt 7.451 nghìn con, tăng 29,5% so với cùng kỳ, trong đó đàn gà ước quý I đạt 6.850 nghìn con, tăng 30,4% so với cùng kỳ, đàn gia cầm tăng mạnh cũng là do các dự án và trang trại đưa vào tái đàn mạnh do giá cả ổn định trên thị trường.

Tình hình dịch bệnh: Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trong quý I tương đối ổn định; một vài ổ bệnh nhỏ lẻ được phát hiện và xử lý kịp thời, không lây lan ra diện rộng; riêng bệnh Dịch tả lợn Châu Phi ngày 16/02/2023 ghi nhận 01 hộ tại huyện Đak Đoa có 37 con lợn bị mắc bệnh, chết đã tiêu hủy với khối lượng 814 kg, tính đến nay đã qua 21 ngày không phát sinh con bệnh mới.

Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật: Nhằm tổ chức triển khai đồng bộ công tác vệ sinh khử trùng tiêu độc, ngăn chặn mầm bệnh, phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 607/SNNPTNT-CCCNTY ngày 24/2/2023 về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật và triển khai tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc đợt 01 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, xuất 4.462 lít hóa chất Benkovet cùng nguồn hóa chất dự phòng tại các địa phương để tổ chức thực hiện; cấp bổ sung 350 lít hóa chất Benkocid cho Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Đến nay đã có 09/17 huyện, thị xã, thành phố bố trí hơn 13,1 tỷ đồng để mua vắc xin, hóa chất; còn 04/17² huyện chưa bố trí kinh phí. Hiện các địa phương vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị mua vắc xin,

² gồm huyện Ia Grai, Đak Đoa, Chư Pưh, Chư Păh

chưa có địa phương nào có vắc xin để tổ chức tiêm phòng. Hiện có 07³ địa phương tiêm được 10.109 liều/12.810 liều vắc xin Đại cho chó, mèo nguồn do công ty Cổ phần Kinh doanh Thuốc thú y Amavet hỗ trợ. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân đã triển khai tiêm phòng trên 2,5 triệu liều vắc xin các loại để phòng bệnh cho đàn vật nuôi.

Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Thu hút nhà đầu tư thực hiện các dự án xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, hiện đại; dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; dự án xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ chăn nuôi.

Toàn tỉnh hiện có 203 dự án chăn nuôi đang được các nhà đầu tư quan tâm với tổng diện tích 9.328,41 ha, tổng vốn đầu tư 34.423,11 tỷ đồng với quy mô dự án gồm 104.989 con bò, 4.140.610 con heo, 40.000 con gà trứng giống bố mẹ, 19.200 con vịt đẻ trứng. Trong đó: có 55 dự án đã được UBND tỉnh Gia Lai cấp quyết định chủ trương đầu tư với tổng diện tích 1.942,27 ha, tổng vốn đăng ký 9.138,49 tỷ đồng; 148 dự án đang xin chủ trương với tổng diện tích 7.386 ha, tổng vốn đăng ký 25.284,62 đồng. Hiện có 25 dự án đã đi vào hoạt động với số lượng: 46.794 con bò; 181.328 con heo.

1.2. Ngành lâm nghiệp:

*** Công tác trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch số 501/KH-SNNPTNT ngày 17/02/2023 về kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2023. Theo đó, dự kiến trồng 8.000 ha rừng, trong đó trồng rừng tập trung: 6.428 ha; trồng cây phân tán: 1.572 ha. Hiện các địa phương đang thực hiện công tác chuẩn bị để trồng rừng theo Kế hoạch.

Kế hoạch chăm sóc rừng năm 2023: 26.290,44 ha; dự kiến sản lượng khai thác là 157.000 m³, trong quý I ước thực hiện 17.329 m³ việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ theo báo cáo từ nhà máy MDF; kế hoạch khoán bảo vệ rừng năm 2023: 145.000 ha; tiếp tục triển khai thực hiện việc khoán bảo vệ rừng năm 2022 với tổng diện tích 121.007,79 ha/145.000 ha, đạt 83,45% so với kế hoạch.

Tính đến nay, có 8 huyện xây dựng kế hoạch giao rừng. Trong đó: Có 05 huyện⁴ đã được thẩm định và phê duyệt với diện tích dự kiến giao là 6.525,32 ha với tổng kinh phí 7.214,45 triệu đồng; 01 huyện (*Đức Cơ*) hồ sơ chưa làm rõ mục đích yêu cầu nên chưa thẩm định; 01 huyện (*Ia Pa*) xin chuyển sang năm sau do diện tích rừng đề nghị giao trong năm 2023 của huyện ít (46,63 ha); 01 huyện (*Chư Sê*) đã được thẩm định với diện tích 2.087,9 ha, hiện UBND huyện đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt.

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh kiểm tra, đôn đốc các địa phương và các đơn vị chủ rừng thực hiện các biện pháp PCCCR theo kế hoạch số 80/KH-SNNPTNT ngày 09/01/2023 của Sở. Đến nay đã tiến hành kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc 16 huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chủ rừng thực hiện

³ gồm Krông Pa, Chư Păh, Chư Sê, Chư Prông, Kbang, Chư Puh và thành phố Pleiku

⁴ Ia Grai, Đăk Pơ, Mang Yang, Kông Chro, Kông Pa

các biện pháp PCCCR mùa khô năm 2022-2023, còn 01 huyện Kbang hiện nay đang thực hiện kiểm tra đôn đốc. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy cây trồng Keo chưa thành rừng với diện tích 8,88 ha trên địa bàn các huyện: Chư Pưh, Phú Thiện.

Đã thu hút được 36 dự án trồng rừng với diện tích hơn 39.000 ha. Nhìn chung, tiến độ triển khai thực hiện các dự án còn chậm, nguyên nhân một phần do diện tích xin thực hiện dự án của một số doanh nghiệp, đa số người dân đang xâm canh sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Ngoài ra, một số dự án khảo sát có vị trí trùng nhau nên kéo dài thời gian thực hiện các quy trình, thủ tục theo đúng quy định. Hiện tại, có 11 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, cho thuê đất để trồng rừng, với diện tích 4.123 ha.

*** Công tác vi phạm lâm luật:**

Trong tháng 03/2023 số vụ vi phạm lâm luật là 26 vụ; lũy kế là 44 vụ giảm 21 vụ so cùng kỳ, cụ thể như sau:

Số vụ phá rừng trái phép trong tháng là 2 vụ; lũy kế là 2 vụ;

Số vụ vi phạm quy định về khai thác gỗ, lâm sản khác trong tháng là 03 vụ; lũy kế là 06 vụ;

Số vụ vi phạm quy định về phòng chống cháy rừng trong tháng là 0 vụ;

Số vụ vi phạm quy định về quản lý động vật hoang dã trong tháng là 0 vụ; lũy kế là 0 vụ;

Vận chuyển mua bán, cất giấu lâm sản trái phép trong tháng là 9 vụ; lũy kế là 16 vụ;

Số vụ vi phạm quy định về chế biến gỗ và lâm sản khác trong tháng là 11 vụ; lũy kế là 18 vụ;

Số vụ vi phạm khác trong tháng là 01 vụ lũy kế 02 vụ.

Lâm sản bị tịch thu:

- Gỗ tròn trong tháng 1,634 m³; lũy kế tháng 03 là 2,905 m³;

- Gỗ xẻ các loại trong tháng 0,867 m³; lũy kế tháng 03 là 0,867 m³.

Tổng số tiền thu nộp ngân sách trong tháng là 101,25 triệu đồng; lũy kế tháng 03 là 223,00 triệu đồng.

1.3. Thủy sản

Tình hình nuôi trồng, đánh bắt thủy sản trên địa bàn diễn biến bình thường, không có dịch bệnh xảy ra. Duy trì nguồn thức ăn xanh dồi dào cho đàn cá Trắm cỏ giống phục vụ công tác sản xuất và ương nuôi, duy trì giữ đàn cá bố mẹ. Trong tháng không xuất bán được cá các loại vì không đạt chất lượng để xuất bán. Kinh phí không có để hoạt động thường xuyên và sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bộ máy tổ chức của Trung tâm chưa ổn định, nhân lực tại Trung tâm thiếu; hiện một số viên chức đã và đang có nguyện vọng xin chuyển công tác.

Diện tích nuôi trồng thủy sản quý I năm 2023 ước đạt 1.001 ha, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Sản lượng nuôi trồng ước đạt 458 tấn, tăng 7,5% so với cùng kỳ.

1.4. Công tác thủy lợi, nước sạch và phòng chống, giảm nhẹ thiên tai

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết khí hậu, mực nước các hồ chứa thủy lợi và đập dâng trên địa bàn, phối hợp với các địa phương tiếp tục triển khai công tác phòng chống thiên tai theo quy định; hướng dẫn đôn đốc các địa phương, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi quản lý an toàn và phát huy hiệu quả

công trình thủy lợi; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực Thủy lợi, Nước sạch nông thôn, Phòng chống thiên tai theo quy định. Thẩm định các phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước: Hoàng Ân, Tân Sơn, Chư Prông, Ia Glai, Plei Pai. Hoàn thiện Quyết định kiện toàn BCH phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn báo cáo UBND tỉnh.

1.5. Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới

Về chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến nay, toàn tỉnh có 91/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 50%. Năm 2023, phấn đấu có 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Về chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Đến nay, toàn tỉnh chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Năm 2023, phấn đấu có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Về chỉ tiêu huyện nông thôn mới: Đến nay, toàn tỉnh có 03/17 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gồm: thành phố Pleiku; thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa. Năm 2023, không có huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

Về chỉ tiêu số thôn, làng nông thôn mới: Đến nay, toàn tỉnh có 125 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 110 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số). Năm 2023, phấn đấu có 41 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Đến nay toàn tỉnh đã công nhận 311 sản phẩm OCOP, trong đó: 49 sản phẩm đạt 4 sao và 262 sản phẩm đạt 3 sao. Năm 2023, dự kiến có 34 sản phẩm mới được công nhận.

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 3 năm 2023

*** Chỉ số sản xuất công nghiệp so với tháng trước:** Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 3 năm 2023, tăng 0,43% so với tháng trước, trong đó:

+ Ngành khai khoáng tăng 20,09% do Công ty cổ phần đá Kon Yang và Công ty Thu Uyên có lượng đơn đặt hàng tăng.

+ Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,79% (Một số chỉ số tăng: Chế biến thực phẩm tăng 3,47%; chế biến rau quả tăng 31,58%; sản xuất tinh bột sắn tăng 5,81%; Sản xuất trang phục tăng 13,51%, trong đó doanh nghiệp (công ty May Gia Lai) tăng 25% do các đơn hàng trong và ngoài nước đều tăng; Sản xuất giấy tăng 13,56% do công ty Iapaco có lượng đơn đặt hàng tăng; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 31,81% do công ty cổ phần gỗ Hoàng Anh tăng sản xuất; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 24,34% do lượng đặt hàng của xi măng tăng 10,46%; bê tông tăng 152,84% để phục vụ các công trình mới; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 19,07%.

+ Ngành sản xuất và phân phối điện giảm 4,14%.

+ Ngành cung cấp nước, hoạt động thu gom rác thải tăng 0,47%.

*** Tháng 3 năm 2023 so với cùng kỳ năm trước:** Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 3 năm 2023 giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 6,30% do năm nay có đơn hàng của công ty Gia Hải và công ty cổ phần đá Kong Yang tăng cao. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,07%

- Một số chỉ số tăng: Chế biến thực phẩm tăng 2,91%; chế biến rau quả

gấp 2,2 lần; sản xuất sữa tăng 4,83%; sản xuất tinh bột sắn tăng 26,80% do các nhà máy đã vào vụ sản xuất; Sản xuất trang phục tăng 18,93%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 24,82% do nhu cầu đặt hàng của các công ty cao hơn tháng trước.

- *Một số chỉ số giảm:* Sản xuất đồ uống giảm 11,55%, trong đó chỉ số sản xuất của các doanh nghiệp giảm 43,42%; Chế biến gỗ giảm 42,97%, trong đó cửa xẻ gỗ giảm 23,72% do các đơn hàng phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm gỗ và đồ gỗ để các công trình hoàn thành trước tết đã hoàn thiện xong, sản xuất gỗ dán của công ty MDF giảm 68,68% do nhu cầu đặt hàng của khách hàng giảm; Sản xuất giấy giảm 27,44% do công ty Iapaco có lượng đơn đặt hàng giảm; In, sao chép bản ghi các loại giảm 70,72% do công ty cổ phần In Gia Lai và công ty Cổ phần In Trường Xuân đã hoàn thành các đơn hàng trước Tết; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 44,92% trong đó lượng đặt hàng của xi măng giảm 46,14%, đơn hàng của sản xuất bê tông giảm 40,03%.

+ Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,25%, trong đó sản phẩm thủy điện giảm 7,91%; điện gió tăng 45,59% do tốc độ gió tăng nên thu được năng lượng gió nhiều hơn và phát ra điện nhiều hơn; điện mặt trời tăng 0,30%.

+ Ngành cung cấp nước, hoạt động thu gom rác thải tăng 7,01%.

2.2. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước quý I năm 2023

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước quý I năm 2023 tăng 5,97% so với cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 4,55%; Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,29%; Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,01%; Ngành cung cấp nước, hoạt động thu gom xử lý rác thải tăng 7,18%.

* *Một số ngành tăng so với cùng kỳ năm trước như:*

- Ngành khai khoáng khác tăng 4,55% do các công ty bắt đầu tập trung khai thác để phục vụ các đơn hàng chuẩn bị cho các công trình xây dựng.

- Ngành sản xuất thực phẩm tăng 17,23%; trong đó sản xuất và chế biến rau quả 153,82% do Chi nhánh Gia Lai-Công ty CP TPXK Đồng Giao (Doveco) tập trung đầu tư nhiều vào công nghệ, đặc biệt công nghệ chế biến sâu, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm để tiến sâu vào thị trường Mỹ và Liên minh châu Âu. Công ty đã hợp tác với nông dân để đảm bảo vùng nguyên liệu phát triển ổn định, đảm bảo đáp ứng đủ cho nhà máy giữ được tiến độ sản xuất, phù hợp với công suất của nhà máy, Doveco tự trồng 200 ha chanh dây, hơn 1.500 ha dứa, ngoài việc chủ động vùng nguyên liệu sẵn có, đơn vị còn liên kết với hơn 500 hộ dân trồng 1.500 ha chanh dây và bao tiêu sản phẩm trên diện tích 4.000 ha, tập trung tại địa bàn các địa phương như: Phú Thiện, Kông Chro, thị xã An Khê, huyện Ia Pa, Đak Pơ, Ia Grai, Đak Đoa, Mang Yang, Kbang và các địa phương của tỉnh Đăk Lăk, Kon Tum, Lâm Đồng, Đăk Nông, chỉ sau gần 3 năm đi vào hoạt động, vùng nguyên liệu của Doveco đạt gần 25.000 ha. Công ty không chỉ sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu đến 50 quốc gia, tập trung chủ yếu vào thị trường các nước như: Nhật Bản, Mỹ, Israel, EU; Sản xuất sữa tăng 16,67% do Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Cao Nguyên có đơn đặt hàng tăng, Công ty xây dựng thêm các hệ thống phân phối chuyên nghiệp có mặt trên 63 tỉnh thành; Tại huyện Mang Yang, với lợi thế như: khí hậu mát mẻ, trong lành, nguồn nước tinh khiết chính là những điều kiện vô cùng thuận lợi để

do Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Cao Nguyên đầu tư trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Đak Yă - Trang trại Bò sữa NutiMilk quy mô trên 1.000 ha, tổng đàn 10.532 con (bò vắt sữa là 3.338 con) cung cấp nguyên liệu không những cho tỉnh Gia Lai mà còn cung cấp nguyên liệu cho công ty ở Hưng Yên và Bình Dương; Sản xuất tinh bột sắn và các sản phẩm từ tinh bột tăng 46,93%, nay các công ty đã vào vụ sản xuất; Sản xuất đường tăng 14,45%, năm nay lượng trữ đường trong cây mía cao, người trồng mía đã xây dựng được những vùng mía chuyên canh có năng suất, chất lượng cao trên một đơn vị diện tích đạt năng suất nên lượng nguyên liệu cung cấp đủ để nhà máy sản xuất hết công suất.

- Ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 5,47% do lượng đặt hàng của công ty Việt Gia (sản phẩm ghế xuất khẩu) tăng.

- Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,41%, sản xuất theo sự điều tiết của điện lực Việt Nam, trong đó Công ty Thủy điện Yaly ước sản xuất được 905 triệu kwh, giảm 0,16%; ước tính thủy điện cả tỉnh sản xuất 1.594 triệu kwh, tăng 1,2%. Đến nay, tỉnh Gia Lai có 11/16 dự án điện gió được công nhận vận hành thương mại (COD) với 137/297 turbine (chiếm tỷ lệ 46,13%), tổng công suất 563,4/1.192,4 MW (chiếm tỷ lệ 47,23%), trong 11 dự án được công nhận vận hành thương mại có 7 dự án vận hành 100% quy mô công suất với 106/297 turbine, tổng công suất 446,2 MW; 4 dự án được COD một phần (gồm: dự án điện gió Ia Le 1 với 14/28 turbine; dự án điện gió Ia Pếch với 5/15 turbine; dự án điện gió Chơ Long với 11/35 turbine và dự án điện gió Hưng Hải Gia Lai với 1/25 turbine), ước tính lượng điện gió sản xuất là 497 triệu kwh; bên cạnh các dự án năng lượng mặt trời lớn, ngày càng có nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư lắp đặt điện mặt trời mái nhà với quy mô nhỏ để trước hết là phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sau đó là bán lại sản lượng điện dư cho ngành điện, đến tháng 3 năm 2023 có 3.247 khách hàng với tổng công suất 603.993,77kwp, ước cả tỉnh sản xuất được 238 triệu kwh.

- Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,18%, trong đó hoạt động khai thác xử lý và cung cấp nước sạch tăng 9,45%; Thu gom rác thải tăng 5,75%.

** Một số ngành giảm so với cùng kỳ năm trước như:*

- Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, ... giảm 46,87%, trong đó cửa xẻ gỗ giảm 55,06% và phần lớn do đơn đặt hàng của Công ty MDF Vinafor Gia Lai giảm 67,97% nên sản xuất gỗ dán, gỗ lạng giảm.

- Ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 45,41% do đơn đặt hàng bao bì carton của công ty Iapaco giảm do các công ty đặt hàng chưa sản xuất nhiều.

- Ngành in, sao chép bản ghi giảm 60,26% do công ty cổ phần In Gia Lai và công ty Cổ phần In Trường Xuân có lượng đặt hàng thấp so với cùng kỳ.

- Ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 35,49% do năm nay lượng sản xuất của nhà máy sản xuất nhựa CT CP Gỗ Hoàng Anh ít hơn so với cùng kỳ.

- Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 44,04% trong đó xi măng (giảm 42,22%); bê tông tươi (giảm 53,20%) do các công trình chỉ mới đi vào khởi công.

2.3. Hoạt động khu công nghiệp Trà Đa

Đến nay, KCN Trà Đa có 56 nhà đầu tư, triển khai 62 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 3.509 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư đã thực hiện 2.571 tỷ đồng. Trong tổng số 62 dự án đầu tư, có 46 dự án đã đi vào hoạt động; 04 dự án đã hoàn thành xây dựng, chuẩn bị lắp đặt máy móc và hoàn chỉnh các thủ tục để chính thức đưa dự án đi vào hoạt động; 08 dự án đang xây dựng và 04 dự án đang làm thủ tục sau cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư vào KCN Trà Đa chủ yếu tập trung vào các ngành, nghề phát huy lợi thế về nguồn nguyên liệu của địa phương như: sản xuất đá granite, nông sản, gỗ.

3. Ngân hàng ⁵

3.1. Tình hình thực hiện lãi suất:

- Lãi suất huy động: Hiện nay, mức lãi suất các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân áp dụng được tính bình quân cho các kỳ hạn như sau:

+ Lãi suất huy động VND: Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng: 0,1 – 1%/năm (phổ biến ở mức 0,5% đối với cá nhân và tổ chức); kỳ hạn từ 01 - dưới 06 tháng: 4,5-6,0%/năm; kỳ hạn 06 tháng - dưới 12 tháng: 5,5-8,9%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 6,8 - 9,4%/năm.

+ Lãi suất huy động USD: Hiện nay, lãi suất huy động USD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

- Lãi suất cho vay: Hiện nay, mức lãi suất các TCTD áp dụng được tính bình quân cho các kỳ hạn như sau:

+ Cho vay bằng VND: Hiện nay, mặt bằng lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ phổ biến: 9,0 – 12,0%/năm, đối với trung, dài hạn: 9,8-14%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên theo Khoản 2, Điều 13, Thông tư 39/2016/TT-NHNN: 5,5%/năm.

+ Cho vay bằng USD: Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD phổ biến: 4,0%/năm, đối với trung, dài hạn: 6,5%/năm.

3.2. Về tỷ giá, ngoại hối và thị trường vàng

Các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các ngành liên quan về niêm yết công khai, đầy đủ tỷ giá mua, bán ngoại tệ và giá vàng (đối với các TCTD được cấp phép). Các hoạt động mua, bán ngoại tệ, vàng trên địa bàn được thực hiện theo quy định.

3.3. Hoạt động huy động vốn

Ước đến cuối quý I/2023, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đạt 55.400 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cuối năm 2022. Trong đó: nguồn vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 3.330 tỷ đồng, chiếm 6% tổng nguồn vốn huy động, giảm 16,5% so với cuối năm 2022.

Phân theo loại tiền: Tiền gửi bằng VNĐ là 55.200 tỷ đồng, chiếm 99,6% tổng nguồn vốn huy động, tăng 2,5% so với cuối năm 2022; tiền gửi ngoại tệ quy đổi VNĐ là 200 tỷ đồng, chiếm 0,4% tổng nguồn vốn huy động, giảm 35,3% so với cuối năm 2022.

Phân theo cơ cấu tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm là 37.200 tỷ đồng, chiếm 67,1% tổng nguồn vốn huy động, tăng 2,6% so với cuối năm 2022; tiền gửi thanh

⁵ Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị quý I/2023, NHNN- CN tỉnh Gia Lai (16/3/2023)

toán là 17.650 tỷ đồng, chiếm 31,9% tổng nguồn vốn huy động, tăng 1% so với cuối năm 2022; phát hành giấy tờ có giá là 350 tỷ đồng, chiếm 1% tổng nguồn vốn huy động, tăng 4,8% so với cuối năm 2022.

3.4. Hoạt động tín dụng: Ước đến cuối tháng 03/2023, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 104.800 tỷ đồng, tăng 1,7% với cuối năm 2022.

Phân theo loại tiền: Dư nợ cho vay bằng VNĐ là 102.100 tỷ đồng, chiếm 97,4% tổng dư nợ, tăng 1,6% so với cuối năm 2022; dư nợ cho vay ngoại tệ quy đổi ra VNĐ là 2.700 tỷ đồng, chiếm 2,6% tổng dư nợ, tăng 5,3% so với cuối năm 2022.

Phân theo thời gian: Dư nợ cho vay ngắn hạn là 62.150 tỷ đồng, chiếm 59,3% tổng dư nợ, giảm 0,6% so với cuối năm 2022; dư nợ cho vay trung, dài hạn là 42.650 tỷ đồng, chiếm 40,7% tổng dư nợ, tăng 5,4% so với cuối năm 2022.

- *Phân theo lãi suất:* Dư nợ áp dụng mức lãi suất dưới 6%/năm ước là 4.820 tỷ đồng, chiếm 4,6% tổng dư nợ, dư nợ áp dụng mức lãi suất từ 6% - 9%/năm là 64.452 tỷ đồng chiếm 61,5% tổng dư nợ, dư nợ áp dụng mức lãi suất trên 9%/năm là 35.528 tỷ đồng, chiếm 33,9% tổng dư nợ.

* *Chất lượng tín dụng:* Ước đến cuối tháng 03/2023, nợ xấu là 1.641 tỷ đồng, giảm 0,01% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng 1,57% tổng dư nợ.

4. Vốn đầu tư – Xây dựng

4.1. Vốn đầu tư

Ước quý I năm 2023 đạt 7.065,95 tỷ đồng, tăng 1,79% so cùng kỳ; Nguồn vốn ước tăng chủ yếu ở doanh nghiệp và vốn đầu tư của dân cư.

a. Vốn khu vực Nhà nước

Ước thực hiện 480,79 tỷ đồng, giảm 0,02% so cùng kỳ, nguyên nhân do nguồn vốn ngân sách nhà nước trung ương ước giảm hơn so với cùng kỳ 5,24%. Năm nay kế hoạch vốn giảm hơn so với năm trước, đầu năm nhiều dự án đang hoàn tất thủ tục đầu tư, chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, nhiều dự án chưa triển khai thi công.

b. Vốn khu vực ngoài Nhà nước

Ước thực hiện 6.580 tỷ đồng, tăng 1,93% so cùng kỳ, trong đó tăng chủ yếu do vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng so với cùng kỳ năm trước, Vốn dân cư tăng so với cùng kỳ.

- Vốn đầu tư thực hiện của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 4.160 tỷ đồng, tăng 1,58% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguồn vốn đầu tư trong dân cư chủ yếu là xây dựng nhà cửa và đầu tư cho sản xuất kinh doanh ước quý I đạt 2.420 tỷ đồng, tăng 2,5 % so với cùng kỳ năm trước.

c. Vốn đầu tư nước ngoài

Ước thực hiện 4,7 tỷ đồng, tăng 0,09% so với cùng kỳ.

Hiện trên địa bàn tỉnh có 2 doanh nghiệp và 2 chi nhánh có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Công ty TNHH một thành viên Đá Viet-Euro-Stone Gia Lai, Công ty TNHH Louis Dreyfus Commodities Việt Nam, Chi nhánh Công ty TNHH

Thương phẩm Atlantic Việt Nam, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam), từ đầu năm đến nay các doanh nghiệp không đầu tư các công trình xây dựng nào trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Các công ty chủ yếu đầu tư mua sắm, sửa chữa tài sản cố định để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty.

Với những kết quả tích cực ban đầu, Gia Lai đang có các bước khởi đầu ổn định cho hướng đi phát triển bền vững từ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Các nhà máy đi vào hoạt động góp phần rất lớn trong việc tạo ra việc làm cho lao động địa phương và kết nối phát triển các dịch vụ như thương mại-dịch vụ và du lịch. Chính vì vậy, để có được lộ trình đầu tư phát triển đúng hướng trên địa bàn, các cấp, các ngành cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư trong việc tiến hành các thủ tục liên quan đến dự án. Năng lượng tái tạo là một trong những chủ trương trọng tâm trong định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Gia Lai. Do đó, tỉnh luôn khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để hỗ trợ cho nhà đầu tư. Đặc biệt, ưu tiên lựa chọn những nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các dự án cũng như bổ sung vào quy hoạch để quyết định chủ trương đầu tư.

4.2. Tình hình xây dựng

Trong quý I năm 2023, hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào các công trình giao thông, các tuyến đường bộ mang tính kết nối, các cụm chăn nuôi công nghệ cao. Đối với các công trình giao thông trọng điểm như: Đường hành lang kinh tế phía Đông, đường liên xã huyện Đức Cơ, đường vào căn cứ hậu cần Đak SoMei huyện Đak Đoa, đường Nguyễn Chí Thanh, Đường Nguyễn Văn Linh, ... các chủ đầu tư khẩn trương xây dựng các mốc thời gian để thực hiện dự án cho kịp tiến độ đã đề ra. Đối với những dự án có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội như Bệnh viện Hùng Vương, dự án trại heo Hoàng Anh Gia Lai, dự án Tổ hợp Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao DHN Gia Lai, Dự án trang trại chăn nuôi của công ty TNHH MTV chăn nuôi bò Trung Nguyên được Tỉnh đặc biệt chú trọng quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng để dự án được sớm hoàn thành và đi vào hoạt động.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước thực hiện đạt 4.231,87 tỷ đồng, giảm 13,84% so với quý trước và tăng 7,01% so với cùng kỳ năm trước. Chia theo loại hình sở hữu cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 2.690 tỷ đồng, giảm 8,84% so với quý trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Các loại hình khác (khởi xã phường và dân cư) đạt 1.540,99 tỷ đồng, giảm 21,41% so với quý trước và tăng 5,99% so với cùng kỳ năm trước.

Chia theo loại công trình như sau:

- + Công trình nhà ở: 1.780 tỷ đồng, giảm 13,09% so với quý trước và tăng 8,44% so với cùng kỳ năm trước.

- + Công trình nhà không để ở: 530 tỷ đồng, giảm 41,67% so với quý trước và tăng 4,89% so với cùng kỳ.

- + Công trình kỹ thuật dân dụng: 1.258,9 tỷ đồng, giảm 17,09% so với quý trước, tăng 7,92% so với cùng kỳ năm trước.

+ Hoạt động xây dựng chuyên dụng: 662,97 tỷ đồng, tăng 51,79% so với quý trước, tăng 3,35% so với cùng kỳ năm trước.

Các tháng đầu năm 2023, hoạt động đầu tư xây dựng tuy bị ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân như giá xăng dầu, giá nhựa đường, thép, cát tăng cao... nhưng nhờ mức đầu tư của các dự án cao hơn so với năm trước đã góp phần tạo thêm động lực cho phát triển kinh tế. Ngành xây dựng luôn được chú trọng phát triển hướng đến hoàn thiện cơ sở hạ tầng đi đôi với việc bảo vệ môi trường và phòng ngừa thiên tai. Dự kiến trong thời gian tới sẽ có nhiều dự án được tiếp tục phê duyệt nhằm hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của người dân; một số dự án chăn nuôi quy mô lớn cũng đã được thông qua, sắp tới sẽ được xây dựng ở một số huyện vùng ven của Tỉnh hướng đến việc sản xuất hữu cơ tạo ra thực phẩm sạch và bảo vệ môi trường. Về xu hướng sản xuất ngành xây dựng thì Việt Nam vẫn là một điểm đến hấp dẫn nhờ chi phí thấp hơn và mức độ phát triển cao hơn so với các nước láng giềng Đông Nam Á. Để thúc đẩy hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh trong các quý tiếp theo, cần có những biện pháp như tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bằng các chính sách tín dụng, tài chính, giảm lãi suất, giãn nợ, giảm thuế, đồng thời có giải pháp hiệu quả cắt giảm thủ tục và rút ngắn thời gian thanh toán, giải ngân đối với các công trình có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước⁶

5.1. Về thu ngân sách: Trong năm 2023, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 5.432 tỷ đồng. Dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 5.910 tỷ đồng.

Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn ước thực hiện đến ngày 31/3/2023 là 1.667,2 tỷ đồng, đạt 30,7% so với dự toán Trung ương giao, đạt 28,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,3% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa: Ước thực hiện đến ngày 31/3/2023 là 1.660,2 tỷ đồng (bao gồm thu xổ số kiến thiết), đạt 30,8% dự toán Trung ương giao, đạt 29,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu tiền sử dụng đất nông nghiệp: 174 tỷ đồng, đạt 30,0% so với dự toán Trung ương giao, đạt 30,0% so với dự toán HĐND tỉnh giao, gấp 2,04 lần so với cùng kỳ.

Các khoản thu cân đối do ngành thuế quản lý (*bao gồm xổ số kiến thiết*) là 1.605,2 tỷ đồng, đạt 30,8% so với dự toán Trung ương giao, đạt 29,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý là 55 tỷ đồng, đạt 32,2% so với dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8,5% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu do Hải quan ước thực hiện là 7,0 tỷ đồng, đạt 16,7% so với dự toán Trung ương và đạt 2,8% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 48,0% so với cùng kỳ.

5.2. Về chi ngân sách địa phương

Chi ngân sách địa phương ước thực hiện đến ngày 31/3/2023 là 3.405,1 tỷ đồng đạt 22,1% so với dự toán Trung ương giao, đạt 21,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7,8% so với cùng kỳ.

⁶Theo Báo cáo tình hình thực hiện Ngân sách Nhà nước tháng 3 năm 2023 của Sở Tài chính (ngày 16/3/2023).

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện đến ngày 31/3/2023 là 1.186,4 tỷ đồng bằng 26,6% so với dự toán Trung ương giao, đạt 25,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7,6% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện đến ngày 31/3/2023 là 2.218,7 tỷ đồng, đạt 20,8% so với dự toán Trung ương giao, đạt 20,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7,9% so cùng kỳ.

6. Thương mại, du lịch và dịch vụ khác

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng 3/2023 của địa phương đạt 7.702,2 tỷ đồng, tăng 1,96% so với tháng trước; tăng 30,81% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tổng mức bán lẻ tăng 22,40%).

Cụ thể trong từng nhóm hàng hóa, dịch vụ như sau:

6.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 03 đạt 6.199,5 tỷ đồng, tăng 1,96% so với tháng trước; tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 19.268,1 tỷ đồng, tăng 28,50% so với cùng kỳ năm trước.

6.2. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch

- Dịch vụ lưu trú: Ước tổng doanh thu dịch vụ lưu trú tháng 3/2023 đạt 59,7 tỷ đồng, tăng 0,16% so với tháng trước, gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm trước. Cùng kỳ năm trước các hoạt động lưu trú còn đang chịu ảnh hưởng của dịch bệnh nên hoạt động không hiệu quả.

Tính chung quý I/2023, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 173,9 tỷ đồng, gấp 2,05 lần so với cùng kỳ năm trước.

- Dịch vụ ăn uống: Ước tính doanh thu dịch vụ ăn uống tháng 3/2023 đạt 903,3 tỷ đồng, tăng 0,02% so với tháng trước; gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I/2023, doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 2.765,1 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành và các hoạt động hỗ trợ du lịch:

Ước tính doanh thu du lịch lữ hành, dịch vụ hỗ trợ du lịch trong tháng 3/2023 đạt 4,42 tỷ đồng, tăng 0,18% so với tháng trước; gấp 6,4 lần so với cùng kỳ năm trước ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 cơ sở hoạt động cầm chừng.

Tính chung quý I/2023, doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 13,2 tỷ đồng, gấp 8,2 lần so với cùng kỳ năm trước.

6.3. Các ngành dịch vụ kinh doanh khác

Ước tính tổng doanh thu các ngành dịch vụ kinh doanh khác trong tháng 3/2023 đạt 535,2 tỷ đồng, tăng 0,43% so với tháng trước, tăng 38,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I/2023, doanh thu các ngành dịch vụ kinh doanh khác ước đạt 1.611,8 tỷ đồng, tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước.

7. Giao thông vận tải

Tình hình vận tải quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng so với năm 2022. Doanh thu vận tải hàng hóa dự ước tháng báo cáo cao hơn tháng trước do nhu cầu lưu chuyển hàng hóa và vận chuyển

vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp ở địa phương tăng. Sau Tết nguyên đán, giá vé xe Tết đã trở lại mức bình thường, nhu cầu đi lại của người dân trong tháng 2 cũng ít, do đó doanh thu hoạt động vận tải hành khách cũng như khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách giảm nhẹ so tháng trước.

Dự ước tháng 3/2023 doanh thu đạt 490,9 tỷ đồng, tăng 3,16% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I/2023 doanh thu ước đạt 1.497,1 tỷ đồng, tăng 2,23% so cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

** Vận tải hành khách:*

Doanh thu hoạt động vận tải hành khách ước tháng 3 đạt 205,4 tỷ đồng, tăng 2,64% so với cùng kỳ; Khối lượng vận chuyển 1.815 nghìn lượt khách, tăng 2,66% so với cùng kỳ; Khối lượng luân chuyển ước đạt 300.784 nghìn lượt khách.km, tăng 2,67% so với cùng kỳ.

Quý I năm 2023: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 624,7 tỷ đồng, tăng 2,55% so cùng kỳ; khối lượng vận chuyển đạt 5.520 nghìn lượt khách, tăng 2,56% so cùng kỳ; khối lượng luân chuyển đạt 914.801 nghìn lượt khách.km, tăng 2,56% so cùng kỳ.

** Vận tải hàng hóa*

Tình hình vận tải hàng hóa tháng báo cáo tiếp tục có xu hướng tăng trưởng khá so với tháng trước. Nguyên nhân là do hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành tăng kéo theo nhu cầu vận chuyển hàng hóa nông sản, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng hóa... tiếp tục tăng so với tháng trước. Doanh thu hoạt động vận tải hàng hóa ước tháng 3 đạt 223,9 tỷ đồng, tăng 2,66% so cùng kỳ; Khối lượng vận chuyển 1.359 nghìn tấn, tăng 2,67% so với cùng kỳ; Khối lượng luân chuyển ước đạt 219.035 nghìn tấn.km, tăng 2,68% so với cùng kỳ.

Quý I năm 2023: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 682,3 tỷ đồng, tăng 1,19% so cùng kỳ; khối lượng vận chuyển đạt 4.142 nghìn tấn, tăng 1,20% so cùng kỳ; khối lượng luân chuyển đạt 667.381 nghìn tấn.km, tăng 1,2% so cùng kỳ.

** Doanh thu vận tải kho bãi, dịch vụ hỗ trợ và bưu chính, chuyển phát*

Doanh thu vận tải kho bãi ước tháng 3 đạt 43,2 tỷ đồng, tăng 7,4% so với cùng kỳ. Do nhu cầu đi lại ít hơn tháng trước, lượng phương tiện và tần suất các chuyến cố định giảm, nên doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động ngành cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải cũng giảm đáng kể sau Tết. Cộng dồn 3 tháng năm 2023, doanh thu kho bãi ước đạt 135,3 tỷ đồng, tăng 4,29% so cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động bưu chính chuyển phát ước tháng 3 đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Cộng dồn 3 tháng năm 2023 doanh thu hoạt động bưu chính và chuyển phát đạt 54,6 tỷ đồng, tăng 7,03% so cùng kỳ. Vì nhu cầu giao dịch mua sắm trên các kênh thị trường trực tuyến tăng nhanh kéo theo sự bùng nổ dịch vụ chuyển phát. Do đó doanh thu ngành bưu chính, chuyển phát tăng trưởng mạnh so với những năm trước.

** Bưu chính:* Toàn tỉnh hiện có 338 điểm phục vụ. Trong đó, có 183/184 điểm Bưu điện - Văn hóa xã (BĐ-VHX) đang hoạt động (có 01/184 điểm BĐ-VHX tạm đóng cửa do hoạt động không hiệu quả - không thống kê các điểm này vào số điểm phục vụ), 31 bưu cục các cấp, 01 đại lý bưu điện, 3 thùng thư công

cộng độc lập; có 11 chi nhánh, 11 văn phòng đại diện, 91 địa điểm kinh doanh, 03 công ty TNHH một thành viên, 01 điểm phát; 03 tuyến phát cấp huyện. Tỷ lệ xã có điểm BD-VHX đạt 100% (xã Chư Đang Ya có 02 điểm BD-VHX; 01 điểm BD-VHX thuộc phường An Tân thị xã An Khê), bán kính phục vụ bình quân 3,82 km/điểm. Có 218/220 xã, phường, thị trấn có báo đến trong ngày (tỷ lệ 99,01%).

*** Viễn thông:**

Hoạt động tần số: Các mạng thông tin vô tuyến hoạt động ổn định. Tổng số trạm thu phát sóng (BTS) đến thời điểm này là 1.920 trạm, trong đó có 11 trạm điều khiển thông tin di động (BSC);

Thuê bao điện thoại trong quý I năm 2023 tăng 4.060 thuê bao (TB) lũy kế đến thời điểm báo cáo 1.434.735 (trong đó: TB cố định: 24.412 TB, di động trả sau: 99.231 TB, di động trả trước: 1.311.092); tỷ lệ thuê bao điện thoại hiện nay đạt 92,71 TB/100 dân;

Tổng số thuê bao Internet đến thời điểm hiện tại là 1.011.957 TB (trong đó TB băng rộng cố định (ADSL, FTTH) là: 136.994 TB, thuê bao băng rộng di động (3G, 4G) là: 874.963 TB; đạt tỷ lệ 66 TB/100 dân; tổng số đại lý Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (gọi tắt là đại lý) trên địa bàn toàn tỉnh là 234 đại lý.

Báo Gia Lai phát hành 72 kỳ = 606.785 tờ.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Gia Lai: Phát thanh: 3.330 giờ. Trong đó, tiếng Bahnar và tiếng Jrai: 225 giờ; Truyền hình: 23.197 giờ 30 phút. Trong đó, tiếng Bahnar và tiếng Jrai: 180 giờ.

Hoạt động in xuất bản: 569.074.000 trang in; Doanh thu: 12.136.400.000 đồng.

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

8.1. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 năm 2023

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 năm 2023 giảm 0,01% so với tháng trước, trong đó: khu vực thành thị tăng 0,12%; khu vực nông thôn giảm 0,16%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 02 nhóm hàng giảm giá; 6 nhóm hàng tăng giá và 03 nhóm hàng bình ổn giá so với tháng trước. Diễn biến giá tiêu dùng của một số nhóm hàng chính như sau:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: (-0,43%)

+ Lương thực (+0,09%): Giá các mặt hàng lương thực như gạo; bột mì; ngô; khoai; bún, bánh phở, bánh đa; miến; bột ngô; ngũ cốc tăng do giá nguyên liệu đầu vào tác động đến giá các mặt hàng lương thực chế biến tăng. Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và giá vật tư phân bón, nguyên liệu đầu vào sản xuất ở mức cao. Giá gạo tẻ thường dao động từ 13.000->15.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Thái, gạo Tám Thơm từ 17.000->19.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 24.000->30.000 đồng/kg.

+ Thực phẩm (-0,71%) chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng sau: Từ cuối năm 2022 đến nay giá lợn hơi có nhiều biến động, giá liên tục giảm nguyên nhân do nguồn cung tăng trong khi sức mua của người dân không cao nên giá thịt lợn giảm 1,83%; thịt bò giảm 0,17%. Giá các loại thịt gia cầm khác giảm 0,14%. Giá các loại thịt chế biến giảm 0,44%.

Giá các mặt hàng thủy hải sản ở mức giảm nhẹ: thủy hải sản tươi sống giảm

0,14%. Nguyên nhân do nguồn hàng từ các chợ đầu mối về tăng, nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm dẫn đến giá giảm trong những ngày qua.

Giá các loại rau, củ quả “hạ nhiệt” so với những ngày trước và trong tết. Thời tiết những tháng đầu năm 2023 thuận lợi, nguồn cung các mặt hàng dồi dào, giá cả ổn định bên cạnh đó các mặt hàng rau củ chủ yếu sản xuất tại địa phương nên có phần hạ hơn so với những tháng trước. Tuần qua giá các loại rau củ liên tục giảm, trong đó giá rau xanh giảm nhiều so với trước, chẳng hạn rau cải giá 7.000đ/bó; bắp sú 15.000đ/kg; đậu cô ve 20.000đ/kg. Các loại rau củ giảm như su hào giảm 6,42%; khoai tây giảm 4,47%; rau muống giảm 1,68%; rau gia vị tươi, khô các loại giảm 4,03; đỗ quả tươi giảm 9,25%; rau dạm củ quả giảm 5,37%; rau tươi giảm 2,27% so với tháng trước.

Giá các loại trái cây từ trước, sau tết và hiện nay thường xuyên thay đổi tăng giảm. Trước tết do nhu cầu tiêu thụ cao, đặc biệt là do nhu cầu của thị trường Trung Quốc nên giá tăng, sau tết sản lượng cũng như chất lượng giảm hơn, cộng với nhu cầu giảm nên hầu hết giá trái cây có xu hướng giảm. Giá cam, xoài, thanh long giảm nhiều sau tết. Giá cam với mức 15.000 - 20.000 đồng/kg tùy loại; thanh long 20.000 - 30.000 đồng/kg; xoài 15.000 - 25.000/kg tùy loại; cam, quýt từ 20.000 – 40.000 đồng/kg. Cụ thể như quả có múi giảm 3,30%; xoài giảm 4,03%; quả tươi khác giảm 1,89%.

+ Ăn uống ngoài gia đình (-0,11%), các loại trái cây giảm dẫn đến giá nước ép các loại giảm làm cho chỉ số giá ăn uống giảm so với tháng trước.

- Đồ uống và thuốc lá: (- 0,95%), mức giá giảm do nhu cầu tiêu dùng giảm. Các mặt hàng như rượu, bia đều giảm giá trong tháng này. Giá rượu mạnh giảm 0,79%; giá bia chai giảm 0,50%; giá bia lon giảm 2,79%.

- May mặc, mũ nón và giày dép: (+0,18%), giá nhóm hàng này cũng không tăng đột biến trong tháng trước nên tháng này mức giá cũng không có nhiều biến động, chỉ tăng nhẹ ở một số ít mặt hàng như vải các loại tăng 0,5%; quần áo may sẵn tăng 0,22%; may mặc khác tăng 0,26%; giày dép tăng 0,15%.

- Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,79%), chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Các mặt hàng vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 1,93%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở khác tăng 1,15% do giá vật liệu xây dựng tăng. Giá đang trên đà tăng ở hầu hết các loại vật liệu và vật tư xây dựng. Mặt khác do giá nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển tăng cao đã tác động và gây áp lực lên giá vật liệu xây dựng.

Giá nước bình quân tăng 0,76% nguyên nhân do tháng này là thời điểm vào vụ tưới cà phê của người nông dân nên nhu cầu sử dụng nước tăng hơn so với tháng trước.

Ở chiều ngược lại: Thời tiết chuyển mùa, khí hậu mát mẻ, dẫn đến sản lượng tiêu thụ giảm, giá điện sinh hoạt bình quân giảm 0,63%.

Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Vừa bước qua năm Quý Mão 2023, trong tháng 1 giá gas giảm 27.000đ/ bình, tháng 2 đột ngột tăng mạnh trở lại, giá được điều chỉnh tăng 63.000 đồng/ bình, sang tháng 3 giá lại giảm nhẹ 11.000đ/bình 12 kg từ ngày 01/3/2023 làm cho chỉ số giá gas giảm 2,26%.

Giá dầu hỏa trong tháng giảm 5,67% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá

trong tháng làm giá dầu hỏa giảm.

- Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,01%): Trong đó, giá đèn điện thấp sáng tăng 1,60%; giá đồ dùng bằng nhựa tăng 0,37%; giá ly, cốc, lọ hoa tăng 0,23%; giá chăn, màn, gối tăng 0,17%; giá xà phòng tắm, nước tắm tăng 0,27%; giá kem đánh răng tăng 0,34%.

- Thuốc và dịch vụ y tế: (bình ổn so với tháng trước).

- Giao thông (+0,16%): Giá bán lẻ xăng trong nước đã được điều chỉnh tăng làm cho chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,16%. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Trong tháng đầu năm 2023, giá xăng trong nước được điều chỉnh tăng. Cụ thể giá xăng tăng 0,53%. Giá bán các loại xăng dầu trong nước áp dụng mức giá bán được điều chỉnh từ 15h chiều 13/3/2023; Dịch vụ rửa, bơm xe tăng 0,37%.

- Bưu chính viễn thông: (bình ổn so với tháng trước)

- Giáo dục: (+0,02%), do giá sản phẩm từ giấy tăng 0,61%.

- Văn hóa, giải trí và du lịch: (+0,54%), nguyên nhân do giá giá hoa, cây cảnh tăng. Tháng này có ngày lễ 8/3 nên giá hoa hồng tăng, dù quà tặng rất đa dạng nhưng hoa tươi vẫn là món quà không thể thiếu, nhu cầu tăng cao dẫn đến mặt hàng hoa tươi tăng giá. Giá hoa hồng tăng từ 30.000 đồng lên 40.000- 45.000 đồng /bó 10 bông; Du lịch trong nước tăng 2,60%.

- Hàng hóa và dịch vụ khác: (+0,06%), nguyên nhân do giá vật dụng tang lễ, thờ cúng tăng 0,57%, dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,32%.

* **Chỉ số giá vàng:** giá vàng thế giới trên sàn Kitco mở phiên giao dịch ở mức 1868.1 - 1869.1USD/ounce. Xu hướng giá vàng tuần này, cả giới phân tích lẫn nhà đầu tư đều kỳ vọng giá vàng sẽ tiếp tục đi lên trong bối cảnh đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ hạ nhiệt khi Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) có thể làm chậm lại đà tăng lãi suất trong thời gian tới. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 03/2023 giảm 1,30% so với tháng trước; giảm 3,33% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 0,04% so với bình quân cùng kỳ.

* **Chỉ số Đô la Mỹ:** Đồng đô la suy yếu sau khi dữ liệu lao động của Mỹ trong tháng 2 cho thấy tăng trưởng tiền lương chậm hơn, cho thấy áp lực lạm phát giảm bớt có thể giữ tốc độ tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang ở mức khiêm tốn và do đó làm giảm sức hấp dẫn của đồng bạc xanh. Đồng đô la bắt đầu tuần mới một cách khó khăn, chạm mức thấp trong bảy tháng so với rổ các đồng tiền chính trong thương mại châu Á trước khi ổn định, đặc biệt là với đồng yên do các nhà giao dịch đặt cược rằng Ngân hàng Trung ương Nhật Bản sẽ điều chỉnh chính sách kiểm soát lợi tức của mình hơn nữa. Chỉ số Đô la Mỹ tăng 0,92% so với tháng trước, tăng 4,02% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 3,74% so với bình quân cùng kỳ.

Tốc độ tăng CPI tháng 03 từ năm 2019 đến năm 2023

Đơn vị tính: %

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
CPI tháng 03 so với tháng trước	99,94	99,41	100,26	100,59	99,99

8.2. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 năm 2023 so cùng kỳ

CPI tháng 3 tăng 3,32% so cùng kỳ:

- Nhóm giáo dục có mức tăng 17,22%: tăng do giá văn phòng phẩm cụ thể như sản phẩm từ giấy tăng 4,37%, giá sách giáo khoa tăng 3,83%, bút viết các loại tăng 7,69%, văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 3,20%. Dịch vụ giáo dục tăng 19,29% (giáo dục mầm non tăng 12,31%; giáo dục trung học cơ sở tăng 42,20%; giáo dục trung học phổ thông tăng 81,03%) do các trường áp dụng khung giá học phí mới.

- Nhóm đồ uống thuốc lá tăng 6,67%, nguyên nhân bởi giá nước khoáng và nước có ga tăng 2,01%; bia các loại tăng 13,37%; thuốc lá tăng 4,32%; thuốc Lào tăng 4% (tăng do nhu cầu tiêu dùng dịp cuối năm của người dân và chi phí vận chuyển tăng).

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,92%, nguyên nhân do mặt hàng vải các loại tăng 1,39%; quần áo may sẵn tăng 5,58%; may mặc khác tăng 6,77%; mũ nón tăng 4,11%; giày dép tăng 3,49%; dịch vụ may mặc tăng 6,38%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,84% nguyên nhân do giá các mặt hàng lương thực như gạo tăng 2,37%; bột mì và ngũ cốc tăng 17,02%; lương thực chế biến tăng 6,69%; thịt gia súc tăng 3,83%; thịt gia cầm tăng 8,91%; thịt chế biến tăng 7,59%; trứng các loại tăng 11,04%; dầu mỡ ăn và chất béo khác tăng 7,86%; thủy sản tươi sống tăng 6,99%; thủy sản chế biến tăng 4,35%; nước mắm nước chấm tăng 8,86% (do giá nguyên liệu và cước vận chuyển tăng).

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,26% do giá các mặt hàng vật dụng đồ dùng cá nhân tăng 2,78%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 13,39%; vé hiếu tăng 2,79%; vé hi tăng 4,71% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,17% do giá các thiết bị đồ dùng trong gia đình như: máy hút bụi tăng 0,81%; quạt điện tăng 2,80%; đèn điện thấp sáng tăng 12,15%; máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 1,81%; đồ điện khác tăng 2,48%; nồi cơm điện tăng 1,22%; lò vi sóng, lò nướng bếp từ tăng 1,43%; bếp đun không dùng điện, ga tăng 7,18%; gương treo tường tăng 13,64%; đồ nhôm inox tăng 4,54%; đồ ăn dao kéo làm bếp tăng 6,77%; đồ kim loại khác tăng 2,60%. Giá xà phòng giặt tăng 2,55%; nước rửa chén và nước cọ sàn tăng 5,04%; xà

phòng tắm, nước tắm tăng 3,02%; dầu gội đầu tăng 2,36%; kem đánh răng tăng 7,68%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 4,94%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,37%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,90% nguyên nhân do mặt hàng vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 5,05%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở khác tăng 9,44% tăng theo giá nguyên vật liệu đầu vào; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 10,73%; điện sinh hoạt 0,56%; nước sinh hoạt tăng 0,15%; than tăng 4,44% so cùng kỳ năm ngoái.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,78% do giá sách báo tạp chí các loại tăng 0,76%; dịch vụ văn hóa tăng 1,41%; thiết bị và dụng cụ thể thao tăng 0,07%; dịch vụ thể thao tăng 5,16%; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 8,19%; du lịch trọn gói tăng 4,72%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,21%. Hiện trên địa bàn tỉnh cũng đang song song nhiều loại dịch bệnh như Covid-19, cúm A, cúm B... nên nhu cầu mua các loại thuốc tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

- Nhóm bưu chính, viễn thông có mức tăng nhẹ 0,12%. Nhóm bưu chính, viễn thông tăng do giá máy điện thoại di động thông thường tăng 0,43%; phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng tăng 0,66%; sửa chữa điện thoại tăng 2,45%.

- Nhóm giao thông giảm 6,72% chủ yếu do cùng kỳ năm trước giá xăng, dầu trong nước giảm theo giá nhiên liệu thế giới.

- Chỉ số giá vàng giảm 3,33% so với cùng kì năm trước.

- Chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 4,02% so với cùng kì năm trước.

8.3. CPI bình quân quý I năm 2023

CPI bình quân 3 tháng đầu năm 2023 tăng 3,96%. Trong 11 nhóm có 10 nhóm tăng giá, duy nhất 01 nhóm giảm giá:

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giáo dục tăng 17,21% do ảnh hưởng từ việc điều chỉnh giá học phí của Chính phủ.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 7,33% do giá bia và thuốc lá tăng dịp tết dương lịch và tết Nguyên đán.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,77% nguyên nhân do giá lương thực và thực phẩm đều tăng cao.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,81% nguyên nhân do nhu cầu mua sắm của người dân tăng khi thời tiết chuyển mùa.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,37% do nhu cầu dịch vụ phục vụ cá nhân trong dịp tết tăng cao.

- Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 2,61% do giá các thiết bị dùng trong nhà tăng 2,95%; đồ dùng nấu ăn tăng 0,85%; đồ dùng bằng kim loại khác tăng 4,43%; đồ nhựa và cao su tăng 0,47%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 3,1%; hàng dệt trong nhà tăng 2,13%; xà phòng chất tẩy rửa tăng 4,35%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 5,22%; dịch vụ trong gia đình tăng 1,81%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,65% nguyên nhân do giá hoa, cây cảnh và các tour du lịch trong nước tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,64% nguyên nhân do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng, giá điện sinh hoạt, giá gas, giá dầu

hỏa, giá than đều tăng.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,22% nguyên nhân do giá các loại thuốc và dụng cụ y tế tăng, các loại thuốc tăng giá là: thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng, thuốc chống dị ứng, thuốc giảm đau, hạ sốt, thuốc tác dụng trên đường hô hấp, thuốc vitamin và khoáng chất, thuốc đường tiêu hóa tăng.

- Nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,12% do các mặt hàng di động thoại và thiết bị điện thoại tăng so với cùng kỳ.

Các nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông là nhóm duy nhất giảm giá, giảm 3,34% do ảnh hưởng bởi các đợt giảm giá xăng dầu liên tiếp. Trong 3 tháng đầu năm, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh nhiều lần làm cho giá xăng, dầu diezen giảm.

* Chỉ số giá vàng bình quân 3 tháng đầu năm tăng 0,04% so với cùng kỳ.

* Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân 3 tháng đầu năm tăng 3,74% so với cùng kỳ.

9. Bảo hiểm xã hội ⁷

* **Công tác phát triển đối tượng tham gia:** Số lao động tham gia BHXH 95.696 người (trong đó BHXH bắt buộc 80.498 người và BHXH tự nguyện 15.198 người), bằng 91,2% kế hoạch, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,2% LLLĐ trong độ tuổi (chưa bao gồm Lực lượng vũ trang); Số người tham gia BH thất nghiệp 68.659 người, bằng 90,3% kế hoạch, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,2% LLLĐ trong độ tuổi (chưa bao gồm Lực lượng vũ trang); Số người tham gia BHYT 1.238.694 người, bằng 90,3% kế hoạch, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 83,32% dân số toàn tỉnh (chưa bao gồm Lực lượng vũ trang).

* **Công tác thu và giảm nợ BHXH, BHYT, BHTN:**

- Số thu BHXH, BHYT, BHTN ước 390,5 tỷ đồng, bằng 13,8% so với kế hoạch, giảm 30,6% so với tổng số thu cùng kỳ năm trước.

- Tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN ước 150,1 tỷ đồng, chiếm 5% so với số phải thu và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước.

* **Công tác chi BHXH, BHYT, BHTN:** Tổng chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN ước trên 732,3 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi BHXH ước gần 534,3 tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; Chi BHYT gần 180 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước; Chi BH Thất nghiệp trên 18 tỷ đồng, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

* **Công tác cấp và quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT:** Tổng số lao động đã được cấp sổ BHXH là 94.240 người; Tổng số thẻ BHYT có giá trị đến cuối kỳ là 1.216.190 thẻ (Chưa bao gồm thân nhân sỹ quan, quân đội). Trong đó: Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng 79.216 thẻ; Nhóm do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng 32.025 thẻ; Nhóm Ngân sách Nhà nước đóng 627.213 thẻ (Có 8.259 thẻ trẻ em đã hết tháng tuổi 72 tháng, nhưng giá trị thẻ vẫn còn đến 30/9/2023); Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng 294.063 thẻ; Nhóm tham gia BHYT theo hộ gia đình 183.143 thẻ.

* **Giải quyết chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN**

⁷Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội tỉnh tháng 3 năm 2023.

- Quản lý và lập danh sách chi trả hàng tháng cho 34.473 người hưởng chế độ BHXH, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Số người hưởng chế độ BHXH đến thời điểm báo cáo là 5.713 lượt người, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Hưởng BHXH hàng tháng cho 243 người; Hưởng trợ cấp BH Thất nghiệp cho 936 người; Hưởng trợ cấp 1 lần cho 2.409 người; Hưởng chế độ ngắn hạn cho 2.125 lượt người.

- Thanh toán chi phí KCB BHYT cho 355.284 lượt người, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước.

10. Các vấn đề xã hội

10.1. Về Y tế

Về công tác phòng, chống dịch Covid-19: Tỉnh đã chỉ đạo các ngành các cấp, các lực lượng triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt với tinh thần trách nhiệm cao. Tính đến thời điểm hiện tại đã tiêm vắc xin cho người trên 18 tuổi: mũi 1 đạt 103,95%, mũi 2 đạt 99,33%, mũi bổ sung đạt 23,7%, mũi nhắc lại lần 1 đạt 71,0%, mũi nhắc lại lần 2 đạt 97,4%; tiêm vắc xin cho trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi: mũi 1 đạt 106,06%, mũi 2 đạt 104,17%, mũi 3 đạt 64,51%; tiêm vắc xin cho Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 95,83%, mũi 2 đạt 70,56%.

Công tác y tế dự phòng, giám sát tình hình dịch bệnh được triển khai quyết liệt từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Trong 3 tháng đầu năm, ngoại trừ sốt xuất huyết ghi nhận 401 ca, gấp 2,5 lần so cùng kỳ 2022, các bệnh truyền nhiễm khác đa số giảm so với cùng kỳ 2022. Số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ là 4.095/27.297 cháu, đạt tỷ lệ 15,0% (cùng kỳ 2022 đạt 14,7%).

Chỉ đạo các đơn vị y tế tổ chức tốt công tác cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân. Đầu tư và đưa vào vận hành Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, bước đầu đã giúp triển khai được một can thiệp tim mạch dưới sự hướng dẫn của đơn vị đầu ngành Trung ương. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, hướng tới sự hài lòng của người dân. Tính chung 03 tháng đầu năm số lượt khám chữa bệnh tại các cơ sở điều trị là 527.286 lượt người tăng 266.525 lượt người so với cùng kỳ 2022 (điều trị nội trú là 56.206 lượt người tăng 29.989 lượt người so với cùng kỳ). Tăng cường công tác kiểm an Toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 tại 30 cơ sở, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 09 cơ sở với số tiền 42 triệu đồng. Xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm với 04 người mắc và 01 người tử vong, thức ăn nguyên nhân gồm thịt và trứng cóc.

10.2. Về giáo dục

Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của UBND tỉnh và ngành Y tế.

Tập trung đổi mới công tác quản lý GDĐT, tăng cường các điều kiện đảm bảo cho phát triển giáo dục, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, triển khai thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo quy định của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học,

Giáo dục dân tộc, Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên, GDQP-AN; Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học, Quản lý chất lượng, Giáo dục chuyên nghiệp, Công nghệ thông tin.

Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 01/CT-UBND về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Chào mừng kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc - Ngày truyền thống thi đua yêu nước (11/6/1948 - 11/6/2023). Triển khai Kế hoạch thực hiện “Chương trình nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong Chương trình GDPT giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Kế hoạch số 99/KH-UBND. Phối hợp VVOB tổ chức các hoạt động khởi động dự án giáo viên mầm non áp dụng kiến thức kỹ năng giảng dạy tạo môi trường học giàu ngôn ngữ cho trẻ, giai đoạn 2022-2026.

Tập trung công tác dạy học và ôn tập chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng kỳ thi. Các trường đã xây dựng kế hoạch dạy học ôn tập cho học sinh lớp 12 theo 3 giai đoạn. Hiện nay, các trường đang tổ chức ôn tập cho học sinh lớp 12 ở giai đoạn 2.

10.3. Về văn hoá, thể dục, thể thao

Tuyên truyền kỷ niệm 77 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam (06/01/1946-06/01/2023); kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023); 48 năm ngày giải phóng tỉnh Gia Lai (17/3/1975-17/3/2023); tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về Văn hóa Việt Nam (1943 – 2023).

Tổ chức thành công Chương trình văn nghệ mừng xuân Quý Mão – 2023, các buổi biểu diễn chương trình Công chiêng cuối tuần mang đến không khí rộn ràng, tươi vui cho khán giả tại Quảng trường Đại Đoàn Kết. Tuyển chọn 04 nghệ nhân tham gia Hội thi chế tác các sản phẩm mỹ nghệ từ cây cà phê trong khuôn khổ Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 năm 2023.

Triển khai thực hiện kế hoạch Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023; Triển khai thực hiện kế hoạch công tác gia đình; kế hoạch triển khai tuyên truyền công tác phòng, chống tội phạm, phòng, chống mua bán người năm 2023; tuyên truyền thực hiện “Đề án tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2022-2027”; tuyên truyền các biện pháp phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

Tổ chức thành công giải vô địch KickBoxing toàn quốc năm 2023 tại tỉnh Gia Lai, tham gia giải có hơn 341 vận động viên đến từ 39 tỉnh, thành phố, ngành trên toàn quốc. Tổ chức Lễ phát động “Ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân năm 2023” và Hội thao Ngành Văn hóa thể thao du lịch năm 2023. Thành lập 06 đoàn vận động viên của tỉnh tham gia các giải thể thao toàn quốc và khu vực. Trung tập, huấn luyện 86 VĐV tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh. Duy trì 06 đội tuyển thể thao trọng điểm của tỉnh gồm: Điền kinh, Vovinam, Karate, Taekwondo, Wushu - Muay, Boxing - Kickboxing. Duy trì 02 môn thể thao kinh phí xã hội hóa (Bóng đá U11 và Khiêu vũ thể thao).

Phối hợp với Sở Du lịch tỉnh Bình Định tổ chức “Chương trình giới thiệu các sự kiện, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch năm 2023 của hai tỉnh” cho các doanh

nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch của 2 địa phương; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin du lịch của tỉnh. Hoạt động kinh doanh du lịch 3 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ, chủ yếu phục vụ hội nghị, hội thảo và các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ Tết dương lịch, Tết Nguyên đán và một số hoạt động văn hóa, thể thao.

10.4. Tình hình nổi bật khác về xã hội

Chủ động nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp để tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động. Số lao động được giải quyết việc làm trong 03 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 6.950 lao động, đạt 26,23% kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 1,1%. Trong đó: giải quyết việc làm trong nước 6.695 lao động; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 255 lao động; tuyển sinh và đào tạo nghề cho 1.986 người, đạt 15,9% kế hoạch, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 38,42% năm 2022 lên 38,63%.

Tổ chức Hội chợ việc làm cấp tỉnh năm 2023 tại thành phố Pleiku, kết quả đã thu hút 156 doanh nghiệp tham gia đăng ký tuyển dụng lao động tại Hội chợ, với 4.324 vị trí việc làm trống ở tất cả 14 nhóm ngành nghề.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội nhân dịp tết nguyên đán, ưu đãi người có công, giảm nghèo, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Triển khai cấp gạo cứu đói giáp hạt đầu năm 2023 của Chính phủ cấp cho 9.375 hộ, (39.433 khẩu) với 591.495 kg gạo cho các địa phương.

10.5. Thiệt hại thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

*** Tình hình thiên tai:**

Thời tiết Gia Lai 3 tháng đầu năm tương đối thuận lợi. Vào tháng 01 chịu ảnh hưởng của đợt không khí lạnh, mưa giông gây thiệt hại ở 1 số địa bàn như Đak đoá, Kông Chro, Mang yang... Tổng giá trị thiệt hại ước khoảng 277 triệu đồng. cụ thể:

+ Thiệt hại về nhà ở: 47 nhà bị hư hỏng, tốc mái ước thiệt hại khoảng 207 triệu đồng.

+ Thiệt hại về các công trình khác: Hư hại trường tiểu học, phòng làm việc UBND chư Păh ước thiệt hại khoảng 70 triệu đồng.

Để chủ động ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do mưa lớn, áp thấp nhiệt đới, bão gây ra trên địa bàn, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị các xã, phường theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, tổ chức trực ban 24/24h trong thời gian mưa bão; sẵn sàng hỗ trợ người dân di dời, sửa chữa, khắc phục các thiệt hại về đường sá, nhà cửa, cây trồng; kiểm tra rà soát các khu dân cư vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, ngập sâu để sẵn sàng phương án sơ tán dân đến nơi an toàn; tổ chức rà soát bổ sung phương án, kế hoạch chuẩn bị vật tư, phương tiện, lực lượng với phương châm "4 tại chỗ" sát với thực tế, sẵn sàng ứng phó khi thiên tai xảy ra.

*** Phòng chống cháy nổ:**

Tính chung 03 tháng năm 2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 04 vụ cháy làm 01 người chết, ước thiệt hại khoảng 1.485 triệu đồng.

10.6. Trật tự an toàn giao thông

Tai nạn giao thông tháng 3 năm 2023: Toàn tỉnh xảy ra 26 vụ, làm 18 người chết, 13 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm 02 vụ (-7,14%); giảm 07 người chết (-28%); giảm 05 người bị thương (-27,78%).

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023 (từ 15/12/2022 đến 14/3/2023): Toàn tỉnh xảy ra 92 vụ, làm 67 người chết, 53 người bị thương; so với cùng kỳ năm 2022, giảm 02 vụ (-2,13%), giảm 04 người chết (-5,63%), giảm 25 người bị thương (-32,05%).

Trên đây, là một số tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu tháng 3/2023 và quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- Đ/c Hồ Văn Niên - Bí thư tỉnh ủy;
- Đ/c Trương Hải Long - Chủ tịch tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH,

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang Minh